

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ liên thông từ trung cấp lên đại học hình thức vừa làm vừa học ngành Khoa học thư viện

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHTN, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BGDĐT ngày 21/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/03/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Công văn số 1074/ĐHTN - ĐT ngày 15/06/2017 của Đại học Thái Nguyên về việc đồng ý để Trường Đại học Khoa học mở lớp liên thông từ trung cấp lên đại học hình thức VL VH ngành Khoa học thư viện tại Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Công văn số 1351/ĐHTN-ĐT ngày 18/07/2017 của Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt phương án điểm chuẩn và danh sách thí sinh trúng tuyển hệ liên thông từ trung cấp lên đại học hình thức vừa làm vừa học ngành Khoa học thư viện;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 44 thí sinh trúng tuyển vào học đại học hệ liên thông từ trung cấp lên đại học hình thức vừa làm vừa học ngành Khoa học thư viện (khóa học 2017 – 2019) tại Trường Đại học Khoa học (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Như Điều 2 (t/h);
- Phòng CTHSSV, KH-TC (t/h);
- Khoa KHCB (t/h);
- Edocman, Website trường;
- Lưu: VT, ĐT.

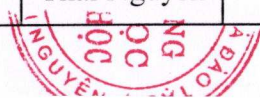


GS.TS. Lê Thị Thanh Nhân

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC THƯ VIỆN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 669/QĐ-ĐHKH ngày 18/07/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng ƯT	Khu vực ƯT	Điểm Cơ bản	Điểm Cơ sở	Điểm Chuyên ngành	TĐ	Ghi chú
1	DTZ.01	Trịnh Ngọc Bích	31.08.1992	Nữ	Thái Nguyên		2	6.50	8.50	6.25	21.50	
2	DTZ.02	Triệu Thị Cánh	02.08.1987	Nữ	Lạng Sơn	01	1	6.25	8.00	7.00	21.50	
3	DTZ.03	Ma Thị Chín	16.05.1982	Nữ	Thái Nguyên	01	1	7.00	7.00	6.50	20.50	
4	DTZ.05	Hà Thị Cúc	15.12.1985	Nữ	Bắc Kạn	01	1	7.00	7.00	6.25	20.50	
5	DTZ.06	Lê Thị Dung	10.07.1985	Nữ	Thái Nguyên		1	6.75	7.00	6.25	20.00	
6	DTZ.07	Trần Thị Duyên	19.08.1989	Nữ	Thái Nguyên		2-NT	5.25	7.00	6.25	18.50	
7	DTZ.08	Vũ Thị Duyên	02.09.1982	Nữ	Thanh Hóa		1	5.00	5.25	5.00	15.50	
8	DTZ.09	Lương Thúy Hà	16.10.1986	Nữ	Thanh Hóa	06	1	7.00	8.00	6.00	21.00	
9	DTZ.10	Nguyễn Thị Hằng	17.07.1984	Nữ	Thái Nguyên		2	8.25	7.50	6.50	22.50	
10	DTZ.11	Cao Thị Hạnh	15.05.1983	Nữ	Thanh Hóa		1	5.75	6.00	5.25	17.00	
11	DTZ.12	Ma Thị Hiên	26.07.1987	Nữ	Bắc Kạn	01	1	6.50	7.00	6.25	20.00	
12	DTZ.13	Nguyễn Thị Hiềm	03.10.1986	Nữ	Thái Nguyên	01	1	7.50	8.50	6.50	22.50	
13	DTZ.14	Trần Thị Hiên	07.08.1982	Nữ	Hà Tĩnh		2	6.00	8.00	6.50	20.50	
14	DTZ.15	Đinh Thị Hoa	20.11.1989	Nữ	Thái Nguyên		1	7.00	7.00	6.25	20.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng ƯT	Khu vực ƯT	Điểm Cơ bản	Điểm Cơ sở	Điểm Chuyên ngành	TĐ	Ghi chú
15	DTZ.16	Hoàng Thị Huế	16.01.1985	Nữ	Thái Nguyên	01	2	7.00	8.00	6.25	21.50	
16	DTZ.17	Lê Thị Lan	15.03.1982	Nữ	Thanh Hóa		1	7.25	8.00	6.75	22.00	
17	DTZ.18	Hoàng Thị Lê	04.10.1982	Nữ	Bắc Kạn	01	1	7.50	8.00	7.25	23.00	
18	DTZ.19	Nguyễn Thị Lê	10.11.1991	Nữ	Thanh Hóa		2-NT	7.50	9.00	6.50	23.00	
19	DTZ.20	Nguyễn Thị Kim Liên	18.04.1989	Nữ	Thanh Hóa		2-NT	7.00	8.00	7.25	22.50	
20	DTZ.21	Lường Hồng Linh	26.11.1987	Nữ	Bắc Kạn	01	1	7.50	8.50	6.50	22.50	
21	DTZ.22	Hoàng Bích Ngọc	01.09.1989	Nữ	Thái Nguyên	01	1	7.75	8.00	6.50	22.50	
22	DTZ.23	Lê Thị Ngọc	10.02.1988	Nữ	Thanh Hóa		2-NT	6.50	7.00	6.50	20.00	
23	DTZ.24	Hoàng Thị Nhung	09.06.1991	Nữ	Thái Nguyên	01	1	8.50	8.00	6.25	23.00	
24	DTZ.25	Lường Hồng Nhung	17.12.1989	Nữ	Bắc Kạn	01	1	5.50	7.50	6.50	19.50	
25	DTZ.26	Trần Thị Thùy Ninh	12.10.1986	Nữ	Thái Nguyên		1	7.50	8.50	6.50	22.50	
26	DTZ.27	Nguyễn Mai Phương	01.10.1988	Nữ	Bắc Kạn	01	1	6.00	6.50	5.50	18.00	
27	DTZ.28	Phạm Thị Diễm Quỳnh	20.09.1988	Nữ	Thái Nguyên		1	6.50	7.00	6.50	20.00	
28	DTZ.29	Lê Thị Tâm	30.03.1982	Nữ	Thanh Hóa		2-NT	6.00	7.00	6.50	19.50	
29	DTZ.30	Trần Thị Thái	15.09.1985	Nữ	Thái Nguyên	01	1	7.50	8.00	6.75	22.50	
30	DTZ.31	Lê Thanh Thảo	04.02.1985	Nữ	Thái Nguyên		1	5.00	8.00	6.00	19.00	
31	DTZ.32	Nguyễn Thị Thảo	13.08.1987	Nữ	Hà Tĩnh		2	7.50	7.50	6.50	21.50	
32	DTZ.33	Lâm Thị Thế	28.08.1986	Nữ	Thái Nguyên	01	2	8.50	7.50	7.50	23.50	
33	DTZ.35	Trần Thị Thơ	27.06.1987	Nữ	Thái Nguyên		1	8.50	8.00	7.75	24.50	



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng ƯT	Khu vực ƯT	Điểm Cơ bản	Điểm Cơ sở	Điểm Chuyên ngành	TĐ	Ghi chú
34	DTZ.36	Nguyễn Thị Bích Thủy	10.06.1989	Nữ	Thái Nguyên	01	1	8.00	8.00	6.75	23.00	
35	DTZ.37	Nguyễn Thị Thu Thủy	26.12.1989	Nữ	Thái Nguyên		2	7.50	7.50	7.00	22.00	
36	DTZ.38	Lương Thị Thủy	04.04.1984	Nữ	Thái Nguyên	01	1	8.00	7.50	6.25	22.00	
37	DTZ.39	Thiều Thị Ngọc Trâm	08.11.1988	Nữ	Thanh Hóa		2-NT	8.50	8.50	7.25	24.50	
38	DTZ.40	Hoàng Tùng	17.12.1982	Nam	Thái Nguyên	01	1	6.50	6.00	6.25	19.00	
39	DTZ.42	Ngô Thị Hải Yến	03.07.1987	Nữ	Thái Nguyên		2	5.00	5.25	6.25	16.50	
40	DTZ.43	Hoàng Xuân Hải	04.09.1984	Nam	Thái Nguyên	01	1	7.25	6.00	5.75	19.00	
41	DTZ.44	Phạm Thị Hồng	20.07.1990	Nữ	Thanh Hóa		2-NT	7.75	7.50	6.50	22.00	
42	DTZ.45	Lê Thị Nguyệt	24.08.1988	Nữ	Thanh Hóa		2-NT	7.00	7.50	6.50	21.00	
43	DTZ.46	Nguyễn Khánh Ly	19.02.1989	Nữ	Thái Nguyên		1	5.75	7.00	6.25	19.00	
44	DTZ.47	Mai Thị Ngoan	09.09.1988	Nữ	Thanh Hóa		1	5.75	7.50	6.00	19.50	

Ấn định danh sách: 44 thí sinh ✓